



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ**  
**International Auditing and Financial Consulting Company Limited**

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Center Building - Hapulico Complex, Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Q. Thanh Xuân, Hà Nội  
Address: 15<sup>th</sup> Floor, Center Building - Hapulico Complex, No. 1 Nguyen Huy Tuong Str., Thanh Xuan Dist., Hanoi  
Tel: + 84 (4) 666 42 777 Fax: + 84 (4) 666 43 777 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

**CÔNG TY CỔ PHẦN SỬ KỸ THUẬT HOÀNG LIÊN SƠN**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**



Thành viên hãng **agn** International / Member Firm of **agn** International

*Kiểm toán/Audit . Kế toán/Accounting . Tư vấn thuế/Tax Consulting . Tài chính/Finance*

**CÔNG TY CỔ PHẦN SỬ KỸ THUẬT HOÀNG LIÊN SƠN**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**



---

Tháng 3 năm 2017

**MỤC LỤC**

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 28

## CÔNG TY CỔ PHẦN SỬ KỸ THUẬT HOÀNG LIÊN SƠN

Số 93 đường Lê Lợi, phường Yên Ninh

thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sử Kỹ Thuật Hoàng Liên Sơn (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Khắc Sơn	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 28 tháng 03 năm 2016)
Ông Nguyễn Thanh Hà	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 28 tháng 03 năm 2016)
Bà Nguyễn Thị Kim Hoa	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 28 tháng 03 năm 2016)
Ông Vũ Ngọc Cường	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 08 tháng 08 năm 2016)
Ông Vũ Ngọc Sơn	Thành viên
Ông Nguyễn Hữu Thiệp	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 28 tháng 03 năm 2016)
Ông Hán Ngọc Cầu	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 28 tháng 03 năm 2016)
Ông Nguyễn Danh Đông	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 28 tháng 03 năm 2016)
Ông Nguyễn Kim Cường	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 28 tháng 03 năm 2016)
Ông Nguyễn Mạnh Hiền	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 28 tháng 03 năm 2016, miễn nhiệm ngày 08 tháng 08 năm 2016)

#### Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Thanh Hà	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 29 tháng 03 năm 2016)
Ông Vũ Ngọc Sơn	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01 tháng 04 năm 2016)
Bà Nguyễn Thị Kim Hoa	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01 tháng 04 năm 2016)
Ông Nguyễn Hữu Thiệp	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 29 tháng 03 năm 2016)
Ông Hán Ngọc Cầu	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01 tháng 04 năm 2016)
Ông Phan Dũng Cường	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01 tháng 04 năm 2016)

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SỬ KỸ THUẬT HOÀNG LIÊN SƠN**

Số 93 đường Lê Lợi, phường Yên Ninh

thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

---

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Nguyễn Thanh Hà**  
**Tổng Giám đốc**

Ngày 18 tháng 03 năm 2017



# CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Center Building - Hapulico Complex, Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Q. Thanh Xuân, Hà Nội  
Address: 15<sup>th</sup> Floor, Center Building - Hapulico Complex, No. 1 Nguyen Huy Tuong Str., Thanh Xuan Dist., Hanoi  
Tel: + 84 (4) 666 42 777 Fax: + 84 (4) 666 43 777 Email: ifc@ifcvieta.com.vn Website: www.ifcvieta.com.vn

Số: 103.03/2017/BCKT-IFC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông,  
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Sứ kỹ thuật Hoàng Liên Sơn**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sứ kỹ thuật Hoàng Liên Sơn (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 18 tháng 03 năm 2017 từ trang 6 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>82.045.573.677</b>	<b>87.960.118.801</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>13.539.458.444</b>	<b>14.894.006.454</b>
1. Tiền	111		10.539.458.444	4.832.615.354
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.000.000.000	10.061.391.100
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>43.000.000.000</b>	<b>38.000.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	43.000.000.000	38.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>14.624.551.411</b>	<b>22.626.881.347</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	10.411.621.031	7.764.656.370
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	4.117.418.544	177.521.468
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	407.508.876	15.592.829.396
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(311.997.040)	(1.001.846.244)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	93.720.357
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.7</b>	<b>10.431.751.995</b>	<b>11.602.599.871</b>
1. Hàng tồn kho	141		10.930.980.329	13.166.056.458
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(499.228.334)	(1.563.456.587)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>449.811.827</b>	<b>836.631.129</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		445.239.001	835.058.303
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		4.572.826	1.572.826
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>8.929.333.422</b>	<b>7.653.417.878</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>6.923.507.862</b>	<b>7.383.180.577</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	3.608.507.862	4.068.180.577
- Nguyên giá	222		74.260.428.108	73.621.466.289
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(70.651.920.246)	(69.553.285.712)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	3.315.000.000	3.315.000.000
- Nguyên giá	228		3.400.090.910	3.400.090.910
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(85.090.910)	(85.090.910)
<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>850.000.000</b>	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	850.000.000	-
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.155.825.560</b>	<b>270.237.301</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	1.155.825.560	270.237.301
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>90.974.907.099</b>	<b>95.613.536.679</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU SỐ B 01-DN  
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>19.836.066.631</b>	<b>15.993.963.956</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>19.836.066.631</b>	<b>15.993.963.956</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	3.168.065.628	3.137.643.001
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		862.823.148	725.499.523
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	5.749.823.983	4.347.395.837
4. Phải trả người lao động	314		5.572.724.627	5.696.256.066
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	2.288.230.411	1.577.194.106
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	80.404.700
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.194.398.834	429.570.723
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>71.138.840.468</b>	<b>79.619.572.723</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.15</b>	<b>71.138.840.468</b>	<b>79.619.572.723</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		34.000.000.000	34.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		34.000.000.000	34.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		5.918.735.292	5.097.014.245
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		31.220.105.176	40.522.558.478
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		13.131.856.891	13.131.856.924
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		18.088.248.285	27.390.701.554
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>90.974.907.099</b>	<b>95.613.536.679</b>



**Nguyễn Thanh Hà**  
Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 03 năm 2017

**Vũ Nguyên Bình**  
Kế toán trưởng

**Vũ Nguyên Bình**  
Người lập

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU SỐ B 02-DN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	115.817.576.472	109.188.690.061
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		174.134.700	139.830.660
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		115.643.441.772	109.048.859.401
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	51.535.596.309	54.950.165.823
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		64.107.845.463	54.098.693.578
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2.647.429.404	2.455.274.109
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	11.240.258	42.662.866
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	13.297.407.666	12.853.485.244
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	12.947.532.694	10.364.499.845
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		40.499.094.249	33.293.319.732
11. Thu nhập khác	31	VI.7	407.732.527	1.769.070.777
12. Chi phí khác	32	VI.8	14.665.067.869	-
13. Lợi nhuận khác	40		(14.257.335.342)	1.769.070.777
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		26.241.758.907	35.062.390.509
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	8.153.510.622	7.671.688.955
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		18.088.248.285	27.390.701.554
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	4.682	7.092
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		4.682	7.092



Nguyễn Thanh Hà  
Tổng Giám đốc  
Ngày 18 tháng 03 năm 2017

Vũ Nguyên Bình  
Kế toán trưởng

Vũ Nguyên Bình  
Người lập

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU SỐ B 03-DN  
Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2016	Năm 2015
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	123.975.223.032	118.406.362.751
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(50.903.534.253)	(49.484.026.964)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(27.265.973.570)	(25.107.059.270)
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(6.908.190.955)	(6.039.808.531)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	1.460.943.517	562.783.105
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(16.052.558.256)	(12.298.119.408)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>24.305.909.515</b>	<b>26.040.131.683</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TSDH khác	21	(638.961.819)	(1.768.505.455)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	-	227.272.727
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(79.000.000.000)	(38.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	74.000.000.000	31.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.245.825.837	1.768.972.203
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(2.393.135.982)</b>	<b>(6.772.260.525)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền trả nợ gốc vay	34	(80.404.700)	(119.595.300)
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(23.290.000.000)	(28.321.048.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(23.370.404.700)</b>	<b>(28.440.643.300)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>(1.457.631.167)</b>	<b>(9.172.772.142)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>14.894.006.454</b>	<b>24.010.390.872</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	103.083.157	56.387.724
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>13.539.458.444</b>	<b>14.894.006.454</b>



**Nguyễn Thanh Hà**  
Tổng Giám đốc  
Ngày 18 tháng 03 năm 2017

**Vũ Nguyên Bình**  
Kế toán trưởng

**Vũ Nguyên Bình**  
Người lập

## I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sứ kỹ thuật Hoàng Liên Sơn (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là doanh nghiệp nhà nước được cổ phần hóa theo quyết định số 387/QĐ-UB ngày 24 tháng 12 năm 2003 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái. Hiện tại Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5200216710 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp thay đổi lần thứ 11 ngày 23 tháng 08 năm 2016 (cấp lần đầu ngày 01 tháng 01 năm 2004).

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 11 ngày 23 tháng 08 năm 2016, vốn điều lệ của Công ty là 34.000.000.000 đồng (Ba mươi tư tỷ đồng chẵn), chia thành 3.400.000 cổ phần phổ thông với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần, không có cổ phần ưu đãi.

### Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty:

- Sản xuất sản phẩm chịu lửa;
- Sản xuất sứ, thủy tinh cách điện, polymer và các phụ kiện đồng bộ, sản xuất gốm sứ kỹ thuật;
- Bán buôn vật liệu chịu lửa, gốm sứ kỹ thuật, thủy tinh cách điện, polymer và phụ kiện đồng bộ;
- Bán buôn máy móc thiết bị điện, vật liệu điện cho đường dây và trạm;
- Bán lẻ vật liệu chịu lửa, gốm sứ kỹ thuật, thủy tinh cách điện, polymer và các phụ kiện đồng bộ, bán lẻ thiết bị điện cho đường dây và trạm;
- Sản xuất thiết bị điện cho đường dây và trạm;
- Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan;
- Bán lẻ xăng dầu và các sản phẩm liên quan;
- Chế biến cao lanh, thạch anh và fenspat;
- Khai thác cao lanh, thạch anh và fenspat;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

### Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

### Cấu trúc doanh nghiệp

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty không có Công ty con, không có công ty liên kết.

## II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

### Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.



### **III. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán máy.

### **IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

#### **Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài riêng chính tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### **Công cụ tài chính**

##### ***Ghi nhận ban đầu***

##### ***Tài sản tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay.

##### ***Công nợ tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay.

##### ***Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

##### ***Tiền và các khoản tương đương tiền***

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU B 09 - DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

**Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 40
Máy móc và thiết bị	01 - 15
Phương tiện vận tải truyền dẫn	05 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	03

17  
 DNG  
 K-EM  
 1702  
 17  
 100  
 DAN

#### **IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

##### **Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất lâu dài và giấy chứng nhận ISO, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất lâu dài không tính khấu hao, giấy chứng nhận ISO đã khấu hao hết.

##### **Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

##### **Các khoản trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước được vốn hóa để phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ bao gồm: Công cụ, dụng cụ thuộc tài sản lưu động xuất dùng 1 lần với giá trị lớn và công cụ, dụng cụ có thời gian sử dụng trên một năm.

##### **Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

##### **Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu (các cổ đông).

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi tăng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	57.924.068	25.507.882
Tiền gửi ngân hàng	10.481.534.376	4.807.107.472
Các khoản tương đương tiền (*)	3.000.000.000	10.061.391.100
<b>Cộng</b>	<b>13.539.458.444</b>	<b>14.894.006.454</b>

(\*) Các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng tại Quỹ tín dụng Yên Bái với lãi suất là 6%/năm.

**2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn	43.000.000.000	38.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>43.000.000.000</b>	<b>38.000.000.000</b>

**Chi tiết tiền gửi có kỳ hạn**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Yên Bái {i}	40.000.000.000	22.000.000.000
Quỹ tín dụng Hồng Hà {ii}	3.000.000.000	-
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Yên Bái	-	12.000.000.000
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - CN Yên Bái	-	4.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>43.000.000.000</b>	<b>38.000.000.000</b>

{i}: Tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Yên Bái theo các hợp đồng tiền gửi tiết kiệm có thời hạn 6 tháng, lãi suất từ 5,3%/năm đến 6%/năm.

{ii}: Tiền gửi tiết kiệm tại Quỹ tín dụng Hồng Hà với thời hạn 6 tháng, lãi suất 6,84% năm.

**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Công ty TNHH Sứ Hoàng Liên Sơn Hà Nội	3.961.458.544	1.294.167.115
Công ty TNHH MTV Sứ Hoàng Liên Sơn Đà Nẵng	2.890.289.292	-
Công ty TNHH Cao Linh	1.124.223.448	1.440.340.904
Công ty CP Sứ kỹ thuật Hoàng Liên Sơn Sài Gòn	675.907.089	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	1.759.742.658	5.030.148.351
<b>Cộng</b>	<b>10.411.621.031</b>	<b>7.764.656.370</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU B 09 - DN**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**4. Trả trước cho người bán**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
ASICO Handels GMBH Co., Ltd (*)	4.055.125.375	-
Các đối tượng khác	62.293.169	177.521.468
<b>Cộng</b>	<b>4.117.418.544</b>	<b>177.521.468</b>

(\*) Ứng trước cho nhà cung cấp theo hợp đồng nhập khẩu máy móc thiết bị

**5. Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội	-	89.135.759
Tạm ứng	217.629.279	288.492.343
Phải thu khác	189.879.597	15.215.201.294
<i>Trong đó:</i>		
<i>Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn</i>	<i>165.441.111</i>	<i>837.033.722</i>
<i>Thuế TNCN phải thu cán bộ công nhân viên</i>	<i>24.141.286</i>	<i>48.373.863</i>
<i>Phải thu theo kết luận tòa án (*)</i>	<i>-</i>	<i>14.307.726.578</i>
<i>Phải thu khác</i>	<i>297.200</i>	<i>22.067.131</i>
<b>Cộng</b>	<b>407.508.876</b>	<b>15.592.829.396</b>

(\*) Khoản phải thu phát sinh từ việc điều chỉnh hồi tố năm 2013 đối với một số nghiệp vụ kinh tế, theo kết luận cuối cùng của Tòa án Nhân dân tỉnh Yên Bái tại bản án số 10/2013/HSST ngày 04 tháng 02 năm 2013. Theo đó, số tiền thiệt hại cần phải được thu hồi lại, tuy nhiên đến ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty vẫn chưa xác định được đối tượng phải thu hồi.

Trong năm 2016 Công ty quyết định xóa khoản nợ phải thu trên căn cứ vào Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông bất thường số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 8/8/2016.

**6. Nợ xấu**

Các khoản phải thu khó đòi	31/12/2016			01/01/2016		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng
	VND	VND		VND	VND	
Nguyễn Mai	100.000.000	-	100.000.000	100.000.000	100.000.000	-
Công ty CP Chế tạo máy biến thế điện lực Hà Nội	60.226.380	-	60.226.380	60.226.380	60.226.380	-
Công ty TNHH Long Vân	-	-	-	241.748.750	-	241.748.750
CÔNG TY PTĐT VÀ KCN ĐÀ NẴNG	-	-	-	110.500.000	-	110.500.000
Công ty Xây Dựng số II	-	-	-	102.058.884	-	102.058.884
Các khoản phải thu khác	151.770.660	-	151.770.660	699.309.270	151.770.660	547.538.610
<b>Cộng</b>	<b>311.997.040</b>	<b>-</b>	<b>311.997.040</b>	<b>1.313.843.284</b>	<b>311.997.040</b>	<b>1.001.846.244</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

## 7. Hàng tồn kho

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	4.303.095.012	3.251.836.818
Công cụ, dụng cụ	1.580.938.807	3.479.605.003
Chi phí SXKD dở dang	958.129.100	878.163.600
Thành phẩm	2.929.656.914	3.906.293.298
Hàng hóa	374.273.121	477.471.983
Hàng gửi đi bán	784.887.375	1.172.685.756
<b>Cộng giá gốc</b>	<b>10.930.980.329</b>	<b>13.166.056.458</b>
<u>Dự phòng giảm giá hàng tồn kho</u>		
Nguyên liệu, vật liệu	(24.900.228)	(261.705.790)
Thành phẩm	(395.341.725)	(837.866.804)
Hàng hóa	-	(160.190.459)
Hàng gửi đi bán	(78.986.381)	(303.693.534)
<b>Cộng Dự phòng giảm giá hàng tồn kho</b>	<b>(499.228.334)</b>	<b>(1.563.456.587)</b>
<b>Giá trị thuần của hàng tồn kho</b>	<b>10.431.751.995</b>	<b>11.602.599.871</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**8. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2016	9.157.523.936	61.974.868.074	1.703.565.455	785.508.824	73.621.466.289
Mua trong năm	-	435.780.000	163.636.364	39.545.455	638.961.819
Tại ngày 31/12/2016	9.157.523.936	62.410.648.074	1.867.201.819	825.054.279	74.260.428.108
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2016	7.699.045.144	60.483.630.951	597.520.148	773.089.469	69.553.285.712
Khấu hao trong năm	247.383.046	682.155.636	149.955.700	19.140.152	1.098.634.534
Tại ngày 31/12/2016	7.946.428.190	61.165.786.587	747.475.848	792.229.621	70.651.920.246
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 01/01/2016	1.458.478.792	1.491.237.123	1.106.045.307	12.419.355	4.068.180.577
Tại ngày 31/12/2016	1.211.095.746	1.244.861.487	1.119.725.971	32.824.658	3.608.507.862

Nguyên giá tài sản cố định tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 46.466.599.500 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MÀU B09 - DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**9. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	TSCĐ vô hình khác VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYỄN GIÁ</b>			
Tại ngày 01/01/2016	3.315.000.000	85.090.910	3.400.090.910
Tại ngày 31/12/2016	3.315.000.000	85.090.910	3.400.090.910
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 01/01/2016	-	85.090.910	85.090.910
Khấu hao trong năm	-	-	-
Tại ngày 31/12/2016	-	85.090.910	85.090.910
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 01/01/2016	3.315.000.000	-	3.315.000.000
Tại ngày 31/12/2016	3.315.000.000	-	3.315.000.000

**10. Xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Phân xưởng Cao lanh	850.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>850.000.000</b>	<b>-</b>

**11. Chi phí trả trước dài hạn**

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Công cụ dụng cụ chưa phân bổ	1.155.825.560	270.237.301
<b>Cộng</b>	<b>1.155.825.560</b>	<b>270.237.301</b>

**12. Phải trả người bán**

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Nguyễn Mai Anh	751.008.700	482.929.500
Công ty TNHH SX và TM cơ khí Bách Việt	675.760.000	493.800.000
Công ty TNHH Thành Công	535.000.000	54.368.000
Phải trả các nhà cung cấp khác	1.206.296.928	2.106.545.501
<b>Cộng</b>	<b>3.168.065.628</b>	<b>3.137.643.001</b>

Công ty xác định có khả năng thanh toán 100% đối với các khoản công nợ phải trả người bán.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

## 13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2016	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2016
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	269.773.243	10.358.765.852	10.032.225.769	596.313.326
Thuế tiêu thụ đặc biệt				-
Thuế xuất khẩu, nhập khẩu		7.572.852	7.572.852	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.908.190.957	8.153.510.655	6.908.190.955	5.153.510.657
Thuế thu nhập cá nhân	-			-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	169.431.637	161.066.036	330.497.673	-
Các loại thuế khác	-	18.307.500	18.307.500	-
<b>Cộng</b>	<b>4.347.395.837</b>	<b>18.699.222.895</b>	<b>17.296.794.749</b>	<b>5.749.823.983</b>

## 14. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	63.664.415	37.468.696
Bảo hiểm xã hội	960.352	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.223.605.644	1.539.725.410
<u>Trong đó</u>		
<i>Cổ tức phải trả</i>	229.053.300	229.053.300
<i>Hoa hồng môi giới bán hàng</i>	1.105.243.224	764.639.590
<i>Tạm ứng phải trả</i>	342.438.540	384.073.331
<i>Đối tượng khác</i>	546.870.580	161.959.189
<b>Cộng</b>	<b>2.288.230.411</b>	<b>1.577.194.106</b>

Công ty xác định có khả năng thanh toán 100% đối với các khoản công nợ phải trả khác.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU B09 - DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**15. Vốn chủ sở hữu**

**a. Tình hình biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 01/01/2015</b>	<b>34.000.000.000</b>	<b>3.010.108.245</b>	<b>43.110.679.853</b>	<b>80.120.788.098</b>
Lãi trong năm	-	-	27.390.701.554	27.390.701.554
Phân phối lợi nhuận	-	2.086.906.000	(2.086.906.000)	-
Chia cổ tức	-	-	(26.520.000.000)	(26.520.000.000)
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(1.371.916.929)	(1.371.916.929)
<b>Tại ngày 01/01/2016</b>	<b>34.000.000.000</b>	<b>5.097.014.245</b>	<b>40.522.558.478</b>	<b>79.619.572.723</b>
Lãi trong năm	-	-	18.088.248.285	18.088.248.285
Phân phối lợi nhuận (*)	-	821.721.047	(821.721.047)	-
Chia cổ tức (*)	-	-	(23.290.000.000)	(23.290.000.000)
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(3.278.980.540)	(3.278.980.540)
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>	<b>34.000.000.000</b>	<b>5.918.735.292</b>	<b>31.220.105.176</b>	<b>71.138.840.468</b>

(\*) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận theo nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2016 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 03 năm 2016.

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Tổng Công ty Công nghiệp tàu thủy Việt Nam	-	4.739.600.000
Ông Vũ Ngọc Cường	3.627.300.000	3.627.300.000
Ông Nguyễn Tĩnh Chính	3.221.200.000	3.221.200.000
Ông Vũ Ngọc Hiếu	3.088.120.000	1.000.000.000
Ông Nguyễn Khắc Sơn	2.200.000.000	2.200.000.000
Bà Nguyễn Thị Kim Hoa	2.508.900.000	1.200.000.000
Bà Đinh Thị Lục	2.000.000.000	2.000.000.000
Các cổ đông khác	17.354.480.000	16.011.900.000
<b>Cộng</b>	<b>34.000.000.000</b>	<b>34.000.000.000</b>

**c. Cổ phiếu**

	31/12/2016 Cổ phiếu	01/01/2016 Cổ phiếu
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>3.400.000</b>	<b>3.400.000</b>
- Cổ phiếu phổ thông	3.400.000	3.400.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>3.400.000</b>	<b>3.400.000</b>
- Cổ phiếu phổ thông	3.400.000	3.400.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU B09 - DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
<b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>115.817.576.472</b>	<b>109.188.690.061</b>
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	115.817.576.472	109.188.690.061
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>174.134.700</b>	<b>139.830.660</b>
- Hàng bán bị trả lại	174.134.700	139.830.660
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>115.643.441.772</b>	<b>109.048.859.401</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Giá vốn thành phẩm, hàng hóa đã bán	51.535.596.309	54.950.165.823
<b>Cộng</b>	<b>51.535.596.309</b>	<b>54.950.165.823</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.574.233.226	2.319.820.625
Lãi chênh lệch tỷ giá	73.196.178	135.453.484
<b>Cộng</b>	<b>2.647.429.404</b>	<b>2.455.274.109</b>

**4. Chi phí tài chính**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá	11.240.258	42.662.866
<b>Cộng</b>	<b>11.240.258</b>	<b>42.662.866</b>

**5. Chi phí bán hàng**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nhân công	3.479.802.858	3.240.656.858
Chi phí nguyên vật liệu	1.575.737.564	1.658.785.060
Chi phí khấu hao TSCĐ, sửa chữa, thuê VP	364.076.048	301.865.685
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.306.787.501	6.838.775.294
Chi phí khác bằng tiền	1.571.003.695	813.402.347
<b>Cộng</b>	<b>13.297.407.666</b>	<b>12.853.485.244</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU B09 - DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)**

**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nhân công	9.614.955.768	6.358.382.400
Chi phí nguyên vật liệu	484.293.615	437.906.198
Chi phí khấu hao TSCĐ, sửa chữa, thuê VP	320.426.104	253.874.890
Thuế, phí, lệ phí	345.837.223	672.961.110
Chi phí dịch vụ mua ngoài	786.493.332	380.712.549
Chi phí khác bằng tiền	1.083.529.612	1.115.791.925
Dự phòng phải thu khó đòi	311.997.040	1.144.870.773
<b>Cộng</b>	<b>12.947.532.694</b>	<b>10.364.499.845</b>

**7. Thu nhập khác**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ, CCDC	5.727.273	204.406.063
Xử lý sản phẩm hỏng, thu phế liệu	387.063.436	576.814.909
Phạt hợp đồng	11.000.000	-
Các khoản khác	3.941.818	987.849.805
<b>Cộng</b>	<b>407.732.527</b>	<b>1.769.070.777</b>

**8. Chi phí khác**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Xử lý công nợ điều chỉnh sau bản án 2011	14.307.726.578	-
Xử lý công nợ khác	357.341.291	-
<b>Cộng</b>	<b>14.665.067.869</b>	<b>-</b>

**9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>26.241.758.907</b>	<b>35.062.390.509</b>
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>	<b>14.525.794.204</b>	<b>(934.249.805)</b>
Các khoản điều chỉnh tăng	14.628.877.361	-
<i>Chi phí không hợp lý xử lý công nợ</i>	14.307.726.578	-
<i>Chi phí không hợp lý khác</i>	321.150.783	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(103.083.157)	(934.249.805)
<i>Giảm theo Quyết định của Thanh tra Yên Bái</i>	-	(934.249.805)
<i>Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái cuối kỳ</i>	(103.083.157)	-
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>40.767.553.111</b>	<b>34.128.140.704</b>
<b>Thuế suất</b>	<b>20%</b>	<b>22%</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>8.153.510.622</b>	<b>7.508.190.955</b>
<i>Tăng theo Quyết định thanh tra</i>	-	163.498.000
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>8.153.510.622</b>	<b>7.671.688.955</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MÀU B09 - DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)**

**10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lợi nhuận/(lỗ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	18.088.248.285	27.390.701.554
Trừ: Trích quỹ khen thưởng phúc lợi ước tính	(2.170.589.794)	(3.278.980.540)
Lợi nhuận/(lỗ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	15.917.658.491	24.111.721.014
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.400.000	3.400.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>4.682</b>	<b>7.092</b>

Công ty thực hiện điều chỉnh hồi tố chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu do ảnh hưởng của việc trích quỹ khen thưởng phúc lợi.

	Năm 2015 Trước điều chỉnh VND	Năm 2015 Sau điều chỉnh VND
Lợi nhuận/(lỗ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	27.390.701.554	27.390.701.554
Trừ: Trích quỹ khen thưởng phúc lợi ước tính	-	(3.278.980.540)
Lợi nhuận/(lỗ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	27.390.701.554	24.111.721.014
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.400.000	3.400.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>8.056</b>	<b>7.092</b>

**11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	22.459.576.202	27.752.417.880
Chi phí nhân công	33.626.527.235	28.810.955.659
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.098.634.534	1.173.022.392
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.976.843.397	16.153.663.389
Chi phí khác bằng tiền	4.142.023.868	4.585.339.468
<b>Cộng</b>	<b>76.303.605.236</b>	<b>78.475.398.788</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU B09 - DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Báo cáo bộ phận*****Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh***

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Công ty chỉ có một hoạt động phát sinh doanh thu trong năm là hoạt động sản xuất kinh doanh các sản phẩm về sứ điện. Do đó, Công ty không có nghĩa vụ phải trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh theo quy định của chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

***Bộ phận theo khu vực địa lý***

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong môi trường kinh tế khác.

Công ty có trụ sở chính đặt tại Số 93 đường Lê Lợi, phường Yên Ninh, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái và các văn phòng đại diện tại Hà Nội, Nghệ An, Đà Nẵng và thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên tại các văn phòng đại diện là hạch toán phụ thuộc, không phát sinh doanh thu. Do đó, Công ty không có nghĩa vụ phải trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28- Báo cáo bộ phận.

**2. Công cụ tài chính****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số V.12 và V.13 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

***Hệ số đòn bẩy tài chính***

	<b>31/12/2016</b>	<b>01/01/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Các khoản vay	-	80.404.700
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	13.539.458.444	14.894.006.454
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	71.138.840.468	79.619.572.723
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<b>0,00%</b>	<b>0,00%</b>

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số IV "Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu" tương ứng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU B09 - DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

**2. Công cụ tài chính (Tiếp theo)**

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.539.458.444	14.894.006.454
Phải thu khách hàng và phải thu khác	10.507.132.867	22.355.639.522
Đầu tư ngắn hạn	43.000.000.000	38.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>67.046.591.311</b>	<b>75.249.645.976</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay và nợ	-	80.404.700
Phải trả người bán và phải trả khác	5.456.296.039	4.714.837.107
<b>Cộng</b>	<b>5.456.296.039</b>	<b>4.795.241.807</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty. Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

*Quản lý rủi ro tỷ giá*

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

*Quản lý rủi ro lãi suất*

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU B09 - DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

**2. Công cụ tài chính (Tiếp theo)**

*Quản lý rủi ro về giá hàng hóa*

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa, dịch vụ từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu [các cổ đông] cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Từ 1- 5 năm VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>31/12/2016</b>			
Tiền	13.539.458.444	-	13.539.458.444
Phải thu khách hàng và phải thu khác	10.507.132.867	-	10.507.132.867
Đầu tư ngắn hạn	43.000.000.000	-	43.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>67.046.591.311</b>	<b>-</b>	<b>67.046.591.311</b>
<b>31/12/2016</b>			
Các khoản vay	-	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác (*)	5.456.296.039	-	5.456.296.039
Chi phí phải trả	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>5.456.296.039</b>	<b>-</b>	<b>5.456.296.039</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>61.590.295.272</b>	<b>-</b>	<b>61.590.295.272</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU B09 - DN**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

**2. Công cụ tài chính (Tiếp theo)**

**01/01/2016**

Tiền	14.894.006.454	-	14.894.006.454
Phải thu khách hàng và phải thu khác	22.355.639.522	-	22.355.639.522

<b>Cộng</b>	<b>75.249.645.976</b>	<b>-</b>	<b>75.249.645.976</b>
-------------	-----------------------	----------	-----------------------

**01/01/2016**

Các khoản vay	80.404.700	-	80.404.700
Phải trả người bán và phải trả khác	4.714.837.107	-	4.714.837.107

<b>Cộng</b>	<b>4.795.241.807</b>	<b>-</b>	<b>4.795.241.807</b>
-------------	----------------------	----------	----------------------

<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>70.454.404.169</b>	<b>-</b>	<b>70.454.404.169</b>
-------------------------------------	-----------------------	----------	-----------------------

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**3. Bên liên quan**

**Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc**

	<b>Năm 2016</b>	<b>Năm 2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Hội đồng quản trị	2.645.815.200	1.111.314.900
Ban Tổng Giám đốc	1.279.524.125	1.285.810.300
<b>Cộng</b>	<b>3.925.339.325</b>	<b>2.397.125.200</b>

**4. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính.

**5. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC.



Nguyễn Thanh Hà  
Tổng Giám đốc

Vũ Nguyễn Bình  
Kế toán trưởng

Vũ Nguyễn Bình  
Người lập

Ngày 18 tháng 03 năm 2017



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ**  
International Auditing and Financial Consulting Company Limited



**Chi nhánh tại Thành phố Hải Phòng:**

Số 4 Nguyễn Trãi, Phường Máy Tơ  
Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng  
ĐT: 031. 3 797 268 | Fax: 031. 3 797 269  
Email: ifchaiphong@ifcvietnam.com.vn

**Branch in Hai Phong City:**

No. 4, Nguyen Trai Street, May To Ward  
Ngo Quyen District, Hai Phong City  
Tel: (84) 31 3 797 268 | Fax: (84) 31 3 797 269  
Email: ifchaiphong@ifcvietnam.com.vn

**Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh:**

Lầu 5, Toà nhà Hải Âu TIC, 39B Trường Sơn  
Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh  
ĐT: 08. 3 547 2323 | Fax: 08. 3 547 2579  
Email: ifchcm@ifcvietnam.com.vn

**Branch in Ho Chi Minh City:**

5<sup>th</sup> Floor, Hai Au TIC Building, 39B Truong Son  
4 Ward, Tan Binh District, Ho Chi Minh City  
Tel: (84) 8 3547 2323 | Fax: (84) 8 3547 2579  
Email: ifchcm@ifcvietnam.com.vn

**Chi nhánh tại Thành phố Thanh Hóa:**

Số 30 Tử Đạo Hạnh, Phường Đông Thọ  
TP. Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa  
ĐT: 0373 758 959 | Fax: 0378 886 866  
Email: ifcthanhhhoa@ifcvietnam.com.vn

**Branch in Thanh Hoa City:**

No. 30, Tu Dao Hanh Street, Dong Tho Ward  
Thanh Hoa City, Thanh Hoa Province  
Tel: 0373 758 959 | Fax: 0378 886 866  
Email: ifcthanhhhoa@ifcvietnam.com.vn